

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NQ  
THÀNH PHỐ HP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2021/HS-ST  
Ngày 11-5-2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NQ THÀNH PHỐ HP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Văn Mười.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lý Thị Thiên Nga

Ông Vũ Văn Khang

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận NQ, thành phố HP.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, thành phố HP tham gia phiên toà:** Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1972 tại HP. Nơi ĐKHKTT:, phường ĐK, quận NQ, thành phố HP; nơi tạm trú: phường ĐK, quận NQ, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Trần Thị C (đã chết); có chồng là Trần Văn T (đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2021, đến ngày 10/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Ngọc A, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1974 tại Hải Dương. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh H; nơi tạm trú: đường A, phường Đ, quận NQ, thành phố HP; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tr Ng và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Thu H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị

bắt tạm giữ ngày 07/02/2021, đến ngày 10/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1976 tại HP. Nơi ĐKHKTT: đường Đ, phường Đ, quận NQ, thành phố HP; nơi tạm trú: đường A, phường Đ, quận NQ, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Th và bà Đoàn Thị Lan H; có chồng là Phạm Ngọc A và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2021, đến ngày 10/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Đàm Thị Thu Tr, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1985 tại HP; nơi cư trú: , thôn L, xã N, huyện A, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn Kh và bà Lê Thị Ng; có chồng là Trần Tuấn A (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án: Tại Bản án số 293/2019/HS-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2021, đến ngày 10/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Thị L, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1978 tại HP. Nơi ĐKHKTT: đường L, phường H, quận H, thành phố HP; nơi tạm trú: đường A, phường Đ, quận NQ, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có chồng là Nguyễn Đức Tr và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2021, đến ngày 10/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1978 tại HP. Nơi ĐKHKTT: , đường L, phường H, quận H, thành phố HP; nơi tạm trú: đường A, phường Đ, quận NQ, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình S (đã chết) và bà Đặng Thị Tr; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2021, đến ngày 10/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 07/02/2021, tại nhà số 74/132 đường A, phường Đ, quận NQ, thành phố HP, Công an quận NQ, thành phố HP bắt quả tang Phạm Ngọc A, Trần Thị H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đức Tr và Nguyễn Thị Thu H đang có hành vi đA bạc thắng, thua bằng tiền dưới hình thức đA ù. Thu giữ tại chiếu bạc: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài và số tiền 18.850.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Thị Thu H 140.000 đồng (là tiền hồ). Công an quận NQ, thành phố HP đã dẫn giải các đối tượng về trụ sở lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr đều khai nhận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/02/2021, Trần Thị H, Nguyễn Thị L, Đàm Thị Thu Tr đến nhà vợ chồng Phạm Ngọc A và Nguyễn Thị Thu H ở số 74/132 đường An Đà, phường Đăng Giang, quận NQ, thành phố HP chơi. Sau đó, H, A, Tr, L rủ nhau đA bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đA ù bằng tú lơ khơ 52 quân bài, cả nhóm thống nhất cách chơi như sau: Trong mỗi ván bài, người có bài về thứ nhất thì thắng tất cả số tiền của 03 người còn lại, khi đó người về thứ nhì phải trả 20.000 đồng, người về thứ ba phải trả 40.000 đồng và người về thứ tư phải trả 60.000 đồng cho người về nhất; người có bài bị cháy (tức là không có phỏm) phải trả 80.000 đồng cho người về nhất; ván nào có người ù thì 03 người còn lại, mỗi người phải trả cho người ù 100.000 đồng, đồng thời người có bài ù sau khi nhận tiền của những người cùng chơi thì phải bỏ ra 20.000 đồng tiền hồ cho chủ nhà là Nguyễn Thị Thu H. Kết thúc mỗi ván bài việc trả tiền thắng, thua được thanh toán ngay với nhau trực tiếp bằng tiền mặt. Cả nhóm thống nhất xong thì Nguyễn Thị Thu H bỏ ra 01 bộ bài tú lơ khơ đưa cho Phạm Ngọc A cầm chia bài ván đầu tiên để H, A, Tr và L đA bạc liên tục. H ngồi thu tiền hồ và canh giới cho cả nhóm đA bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đức Tr (chồng của L) đến, Tr vào thay cho L đA bạc với H, A và Tr.

Trần Thị H còn khai tham gia đA bạc H có 12.240.000 đồng dùng đA bạc, khi bị bắt H thua 240.000 đồng; Phạm Ngọc A khai có 1.350.000 đồng dùng đA bạc, đến khi bị bắt A thua 100.000 đồng; Đàm Thị Thu Tr khai có 2.800.000 đồng dùng đA bạc, khi bị bắt Tr thua 200.000 đồng; Nguyễn Thị L khai có 2.600.000 đồng dùng đA bạc, L đA bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì chồng L là Nguyễn Đức Tr đến ngồi xem L đA bạc. Một lúc sau L cho Tr vào thay L đA bạc với H, A, Tr. L để lại toàn bộ số tiền đA bạc của mình ở dưới chiếu cho Tr để Tr dùng đA bạc; Nguyễn Đức Tr khai vào thay L đA bạc, Tr dùng toàn bộ số tiền L để lại cho Tr để Tr đA bạc với H, A, Tr, đến khi bị bắt Tr thắng 400.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H khai sau khi chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ cho H, A, Tr, L và Tr đA bạc tại tầng 2 nhà H, rồi H ngồi thu tiền hồ được 140.000 đồng. Cả nhóm đA bạc liên tục đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an quận NQ vào bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr là phù hợp với nhau, phù hợp với

Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến và vật chứng thu giữ.

Vật chứng của vụ án: 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng gồm 52 cây bài và số tiền 18.990.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 69/CT-VKSNQ ngày 14/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, thành phố HP đã truy tố các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr đồng phạm tội “ĐA bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr khai nhận hành vi thực hiện như nội dung nêu trên, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, trở thành người có ích cho xã hội.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đàm Thị Thu Tr mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “ĐA bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, (khoản 2 đối với bị cáo Phạm Ngọc A và Nguyễn Thị Thu H) Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo: Trần Thị H mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Phạm Ngọc A mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Thị Thu H mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Thị L mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Đức Tr mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ đều về tội “ĐA bạc”. Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về việc xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 18.990.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng đa bạc; tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây.

Về án phí: Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr đều phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an quận NQ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo:

[2] Lời khai của các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr tại phiên tòa đều thống nhất và phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/02/2021, Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr có hành vi đA bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đA ù với tổng số tiền dùng đA bạc là 18.990.000 đồng tại nhà của Nguyễn Thị Thu H ở số 74/132 đường An Đà, phường Đằng Giang, quận NQ, thành phố HP bị bắt quả tang; Nguyễn Thị Thu H đã chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ cho H, A, Tr, L và Tr đA bạc tại nhà mình để thu lợi (tiền hò) 140.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr đồng phạm tội “ĐA bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, thành phố HP truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật áp dụng là đúng quy định của pháp luật.

- ĐA giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa ở khu dân cư, làm gia tăng, phát sinh nhiều loại tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội khác. Điều đó chứng tỏ cho thấy các bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, nên cần xử nghiêm đối với các bị cáo mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

- Xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:

[4] Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr đều tham gia tích cực giữ vai trò ngang nhau, đồng ý cùng thực hiện hành vi đA bạc nhằm sát phạt nhau để ăn thua, phạm tội có tính chất mà dư luận xã hội lên án, là tệ nạn ở khu dân cư. Bị cáo Trần Thị H tham

gia có số tiền chơi lớn hơn các bị cáo khác; các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc A dùng địa điểm nhà mình làm nơi cho các đối tượng khác đả bạc để thu tiền hồ hưởng lợi cho bản thân với số tiền là 140.000 đồng. Căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo trong đồng phạm cần áp dụng các điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Trần Thị H mức án cao hơn các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc A, sau đó là các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Đức Tr là phù hợp.

- Xét về nhân thân của các bị cáo:

[5] Bị cáo Đàm Thị Thu Tr có 01 tiền án: Tại Bản án số 293/2019/HS-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 18 tháng (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không có; các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Đàm Thị Thu Tr, do Bản án số 293/2019/HS-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 18 tháng (chưa được xóa án tích), nên lần phạm tội này bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, cho thấy bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, không từ bỏ con đường phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[7] Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đàm Thị Thu Tr được áp dụng tình tiết người phạm tội thành khẩn khai báo, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc A có bố đẻ, bố vợ là thương binh hạng 2/4, hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có tiền án tiền sự,

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nơi thường trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú và gia đình quản lý, giám sát là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr đều có 03 ngày tạm giữ, từ ngày 07/02/2021 đến ngày 10/02/2021 tại cơ quan điều tra được chuyển đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo.

- Về việc khấu trừ thu nhập:

[10] Các bị cáo đều là lao động tự do thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[11] Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr thu nhập không ổn định, việc đA bạc là tự phát, không thường xuyên nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Về biện pháp ngăn chặn:

[12] Cần tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đức Tr và Nguyễn Thị Thu H theo quy định tại Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[13] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 18.990.000 đồng (mười tám triệu, chín trăm chín mươi nghìn) đồng là số tiền các bị cáo dùng vào việc đA bạc; tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây.

- Về án phí:

[14] Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[15] Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Đàm Thị Thu Tr 07 (bảy) tháng tù về tội “ĐA bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ từ ngày 07/02/2021 đến ngày 10/02/2021.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Trần Thị H 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “ĐA bạc”. Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 07/02/2021 đến ngày 10/02/2021 bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành là 17 tháng 21 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Thị H tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường ĐK, quận NQ, thành phố HP nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Phạm Ngọc A 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ; xử phạt: Nguyễn Thị Thu H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “ĐA bạc”. Trừ cho các bị cáo Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H mỗi bị cáo 03 ngày tạm giữ từ ngày 07/02/2021 đến ngày 10/02/2021 bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; mỗi bị cáo phải chấp hành là 14 tháng 21 ngày Cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn Thị L 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ; xử phạt: Nguyễn Đức Tr 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “ĐA bạc”. Trừ cho các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Đức Tr mỗi bị cáo 03 ngày tạm giữ từ ngày 07/02/2021 đến ngày 10/02/2021 bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; mỗi bị cáo còn phải chấp hành là 11 tháng 21 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đăng Giang, quận NQ, thành phố HP nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.



Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường DK, quận NQ, thành phố HP; giao các bị cáo Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr cho Ủy ban nhân dân phường Đăng Giang, quận NQ, thành phố HP giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 18.990.000 (mười tám triệu, chín trăm chín mươi nghìn) đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận NQ, thành phố HP).

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo Trần Thị H, Phạm Ngọc A, Nguyễn Thị Thu H, Đàm Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đức Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- VKSND thành phố HP;
- VKSND quận NQ;
- Cơ quan điều tra Công an quận NQ;
- Chi cục THADS quận NQ;
- UBND phường Đăng Giang, quận NQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận NQ;
- PV 06 Công an thành phố HP;
- Sở Tư pháp thành phố HP;
- TAND TP HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Văn Mười**